

-----***-----

-----***-----

Số: 165/2024/QĐST-VHNGĐ **Quận H**, ngày 26 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1 phần I mục B Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 161/2024/TLST-VHNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

Chị Phan Thu H – Sinh năm: 1985; Căn cước công dân số: 001185006820 do Cục trưởng cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021. Địa chỉ thường trú: **Số B phố P, phường T, quận B, thành phố Hà Nội**. Hiện đang tạm trú tại: **Số A phố T, phường N, quận H, thành phố Hà Nội**.

Anh Ngô Minh Đ – Sinh năm: 1986; Căn cước công dân số: 001086029294 do Cục trưởng cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/04/2021. Địa chỉ thường trú: **Số B phố P, phường T, quận B, thành phố Hà Nội**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 03 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Phan Thu H và anh **Ngô Minh Đ** cùng thuận tình ly hôn.

Về con chung:* Chị **Phan Thu H và anh **Ngô Minh Đ** xác nhận có 02 (Hai) con chung tên là:

- **Ngô Gia L**, sinh ngày 09/02/2011;
- **Ngô Bảo L1**, sinh ngày 04/06/2013;

Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh chị: Giao cả hai con chung là **Ngô Gia L** và **Ngô Bảo L1** cho chị **Phan Thu H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi Quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Ngô Minh Đ** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng/cháu kể từ khi Quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh **Đ** có quyền và nghĩa vụ thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, nhà ở chung:* Chị **Phan Thu H và anh **Ngô Minh Đ** xác nhận không có tài sản chung, không có nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Về công nợ:* Chị **Phan Thu H và anh **Ngô Minh Đ** xác nhận không có công nợ chung, không vay nợ của ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Phan Thu H** chịu cả lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0003424 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, TP. Hà Nội

(Giấy chứng nhận kết hôn số 03. Q02 ngày 12/01/2010);
- Lưu hồ sơ + Văn phòng.

Phạm Hoàng Nam